TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16–THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2025/DS-ST
Ngày: 19-12-2025
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nhật Quang

2. Bà Vương Thị Hồng Thanh

Thư ký phiên toà: Bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 808/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 378/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 335/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Số D, Khu B, chung cư T, đường L, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số A P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trịnh Thị H1, sinh năm 1973; địa chỉ: Số B L, Tổ B, Khu phố G, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền ngày 06/12/2025). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1978; địa chỉ: Số C, Tổ A, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH H3; địa chỉ: Số C, Nguyễn Thị C, Tổ A, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn Q. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai nguyên đơn ông Lê Minh H2 trình bày:

Ông và ông Hoàng Văn Q có quan hệ anh em trong gia đình. Vào năm 2021 ông và ông Q làm ăn chung, cụ thể: Ông và ông Q góp tiền chung để mua chiếc xe đầu kéo Biển số 61H03760 do Công ty H3 do ông Q là người đại diện theo pháp luật của Công ty đứng tên chủ sở hữu. Số tiền góp vốn mỗi người là 1.150.000.000 đồng; mục đích mua xe là để kinh doanh vận tải và chiếc xe đưa vào Công ty hoạt động từ năm 2021 đến nay. Việc thỏa thuận góp vốn hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng, không lập văn bản. Và tổng số tiền lợi nhuận thu được ông Q sẽ phải trả cho ông theo tổng doanh thu cho phù hợp với số tiền thu được và thỏa thuận hàng tháng ông Q phải thanh toán cho ông số tiền này. Ông H2 xác định kể từ khi xe đưa vào Công ty hoạt động cho đến trước ngày ký hợp đồng vay tiền (ngày 01/8/2023) thì ông Q mới thanh toán cho ông được 205.000.000 đồng. Do ông Q không thanh toán đúng kỳ hạn và số tiền thu được như thỏa thuận và sau nhiều lần ông hỏi chứng từ kế toán thu chi từ chiếc xe nêu trên thì ông Q hứa sẽ gửi giấy tờ cho ông, nhưng đến nay vẫn không gửi; trong thời gian ông Q không thực hiện thanh toán, ông Q còn mua mua chiếc xe ô tô trị giá gần 1.500.000.000 đồng. Sau nhiều lần ông yêu cầu ông Q thanh toán tiền như đã thỏa thuận, nhưng ông Q không thực hiện ông Q đã đề xuất phương án thanh lý xe, nhưng ông không đồng ý do phương án của ông Q có bất lợi cho ông và để đảm bảo quyền lợi chính đáng của ông và do lúc góp vốn không có giấy tờ nên ông đã đề xuất hai bên ký hợp đồng vay tiền. Theo nội dung của hợp đồng vay tiền thể hiện Bên A (là ông H2) đồng ý cho bên B (là ông Q) vay và bên B đồng ý vay số tiền là 1.150.000.000 đồng. Đây là khoản vay được chuyển từ phần góp vốn mua xe đầu kéo kinh doanh vận tải là 1.150.000.000 đồng; thời hạn thanh toán 22 tháng, kể từ ngày 01/8/2023 đến ngày 01/6/2025; thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, trên dư nợ (bao gồm cả gốc và lãi) theo công thức sau:

Số tiền nợ = số tiền bên B nợ bên A tính đến kỳ thanh toán;

Tiền lãi tháng 1 = số tiền nợ * lãi suất cố định hàng tháng;

Tiền lãi các tháng tiếp theo = số tiền nợ còn lại * lãi suất vay;

Trường hợp tiền lãi tháng trước chưa được thanh toán hết, phần tiền lãi chưa thanh toán được cộng gộp vào số tiền nợ còn lại của tháng tiếp theo.

Số tiền cần trả hàng tháng tối thiểu bằng tiền lãi tháng đó;

Số tiền cần trả hàng quý vào tháng 3,6,9,12 tối thiểu 90 triệu;

Chậm nhất đến cuối kỳ vay, tức đến hết ngày 01/6/2025, bên B phải trả hết toàn bộ số tiền nợ.

Nếu bên B tiếp tục vay thì phải báo trước trong thời gian 60 ngày và nhận được sộ đồng ý bằng văn bản của bên A.

Nếu quá thời hạn vay nêu trên mà bên B không thanh toán số tiền gốc và lãi thì bên B phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tương ứng với thời gian chậm trả, theo công thức tính nêu trên.

Phương thức thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 19036398447013 tại Ngân hàng T. Sau khi ký hợp đồng vay tiền ông Q chỉ chuyển cho ông số tiền 34.000.000 đồng rồi ngưng không trả cho ông. Rất nhiều lần ông yêu cầu ông Q trả tiền cho ông như theo thỏa thuận của hợp đồng vay tài sản, nhưng ông Q nói lý do làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn, bị tai nạn xe và nói khi nào có tiền thì trả ông.

Nay, ông khởi kiện yêu cầu ông Q trả nợ gốc 1.150.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 19/12/2025 là 427.644.110 đồng trừ đi số tiền đã thanh toán 34.000.000 đồng, còn lại nợ lãi là 393.644.110 và khoản tiền nợ ngoài hợp đồng 72.500.000 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán là 1.616.144.110 đồng

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là: Hợp đồng vay tiền ngày 01/8/2023; Căn cước công dân; thông báo yêu cầu trả nợ…

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng là bà Trịnh Thị Hà trình bày:

Ông Hoàng và ông Quân thỏa thuận lãi suất trong hạn 1%/tháng, lãi suất quá hạn 150%/lãi trong hạn, tổng tiền lãi tính là 427.644.110 đồng.

Theo lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định 20%/năm. Từ ngày 01/8/2023 đến ngày 19/12/2025 là 871 ngày. Tiền lãi tính theo lãi suất 20%/năm là 548.849.315 đồng [=1.150.000.000 đồng*20%*871ngày/365ngày].

Do lãi suất thỏa thuận giữa ông Hoàng và ông Quân là 427.644.110 đồng nhỏ hơn lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 548.849.315 đồng nên lãi suất hai bên thỏa thuận tổng là 427.644.110 đồng là chấp nhận được.

Ngoài ra, nợ gốc và cách tính lãi giữa ông Hoàng và ông Quân đã thống nhất nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng.

- Quá trình tố tụng bị đơn ông Hoàng Văn Q trình bày:

Ông và ông Lê Văn H có quan hệ anh em trong gia đình. Vào năm 2021 ông và ông H làm ăn chung, cụ thể: Ông và ông H góp tiền chung để mua chiếc xe đầu kéo Biển số 61H03760 do Công ty H3 do ông là người đại diện theo pháp luật của Công ty đứng tên chủ sở hữu. Số tiền góp vốn mỗi người là 1.150.000.000 đồng; mục đích mua xe là để kinh doanh vận tải và chiếc xe đưa vào Công ty hoạt động từ năm 2021 đến nay. Việc thỏa thuận góp vốn hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng, không lập văn bản. Và tổng số tiền lợi nhuận thu được ông đã giao cho ông H hơn 300.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Từ tháng 8/2023 đến nay do làm làm ăn thua lỗ, không có lợi nhuận nên ông chưa thanh toán tiền lãi cho ông H được. Theo thỏa thuận bằng miệng thì tiền thu được từ việc kinh doanh từ chiếc xe nêu trên, lợi nhuận sẽ chia đôi. Sau khi biết việc làm ăn không được thì ông H đề xuất mang thanh lý xe để chia đôi số tiền thanh lý xe thì ông thấy bán xe được ít tiền quá chỉ được 1.300.000.000 đồng nên ông nói với ông H để ông chịu lỗ và đồng ý trả cho ông H tiền góp vốn mua xe là 1.150.000.000 đồng. Để làm tin ông với ông H ký hợp đồng vay tiền có nội dung thể hiện Bên A (là ông H) đồng ý cho bên B (là ông Q) vay và bên B đồng ý vay số tiền là 1.150.000.000 đồng. Đây là khoản vay được chuyển từ phần góp vốn mua xe đầu kéo kinh doanh vận tải là 1.150.000.000 đồng; thời hạn thanh

toán 22 tháng, kể từ ngày 01/8/2023 đến ngày 01/6/2025; thỏa thuận lãi suất 1%/tháng; phương thức thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 19036398447013 tại Ngân hàng T. Sau khi ký hợp đồng vay tiền ông đã chuyển trả cho ông H khoảng số tiền 34.000.000 đồng rồi ngưng không trả, lý do làm ăn thua lỗ chưa có tiền trả ông H. Nay ông H khởi kiện yêu cầu ông trả nợ gốc 1.150.000.000 đồng; lãi trong hạn tính đến ngày 01/6/2025 là 242.218.546 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 01/8/2025 là 42.412.281 đồng và khoản tiền 72.500.000 đồng thì ông đồng ý. Tuy nhiên, do hiện tại kinh tế khó khăn nên ông chưa có khả năng trả cho ông H, ông xin được trả nợ gốc vào tháng 10/2026 và sau khi trả nợ gốc xong ông sẽ có phương án trả lãi cho ông H. Theo trình bày của ông H cho rằng ông có tiền để mua xe mà không chịu trả tiền cho ông H là không chính xác vì chiếc xe này ông mua từ năm 2022 bằng tiền vay của Ngân hàng A – Chi nhánh Đ.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H3 do ông Hoàng Văn Q đại diện trình bày:

Ông giữ nguyên lời khai ngày 11/11/2025. Ông xác định Công ty TNHH H3 chỉ đại diện đứng tên chủ sở hữu chiếc xe đầu kéo Biển số 61H03760, Công ty không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông H. Do đó, Công ty TNHH H3 không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án và cũng không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Công ty TNHH H3 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ông Lê Văn H khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Văn Q; địa chỉ: Số C N, Tổ A, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh trả tiền nợ vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng vay tiền ngày 01/8/2023. Xét, đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2023, 2024, 2025).

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Hoàng Văn Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H3 do ông Hoàng Văn Q đại diện có đơn đề nghị

giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2023, 2024, 2025).

[3] Qúa trình tố tụng các đương sự thống nhất trình bày: Ông Hoàng Văn Q và ông Lê Văn H có quan hệ anh em trong gia đình. Vào năm 2021 ông Q và ông H làm ăn chung, cụ thể: Ông H và ông Q góp tiền chung để mua chiếc xe đầu kéo Biển số 61H03760 do Công ty H3 do ông Q là người đại diện theo pháp luật của Công ty đứng tên chủ sở hữu. Số tiền góp vốn mỗi người là 1.150.000.000 đồng; mục đích mua xe là để kinh doanh vận tải và chiếc xe đưa Công ty H4 từ năm 2021 đến nay. Việc thỏa thuận góp vốn hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng, không lập văn bản. Do làm ăn thua lỗ nên hai bên thống nhất giao chiếc xe trên cho ông Q quản lý, ông Q có trách nhiệm hoàn trả cho ông H số tiền bằng với vốn góp ban đầu là 1.150.000.000 đồng; do ông Q không có tiền trả cho ông H nên vào ngày 01/8/2023 hai bên thống nhất ký kết hợp đồng vay tiền. Theo thỏa thuận của hợp đồng thì ông H đồng ý cho ông Q vay số tiền 1.150.000.000 đồng (đây là khoản vay được chuyển từ phần góp vốn mua xe đầu kéo kinh doanh vận tải là 1.150.000.000 đồng); thời hạn thanh toán 22 tháng, kể từ ngày 01/8/2023 đến ngày 01/6/2025; phương thức thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 19036398447013 tại Ngân hang T1. Sau khi ký hợp đồng vay tiền ông Q mới thanh toán cho ông H số tiền 34.000.000 đồng rồi ngưng không trả. Xét, sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2023, 2024, 2025).

[4] Đối với giao dịch góp vốn để mua xe và số tiền lợi nhuận thanh toán trước khi ký hợp đồng vay tiền ngày 01/8/2023 giữa nguyên đơn và bị đơn do các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Đối với yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng ông H yêu cầu ông Q phải trả 02 khoản tiền nợ gốc 1.150.000.000 đồng và 72.500.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền 1.150.000.000 đồng là hợp đồng vay tiền ngày 01/8/2023. Hội đồng xét xử xét thấy, theo giấy vay tiền ngày 01/8/2023 có nội dung thể hiện H đồng ý cho ông Q vay số tiền 1.150.000.000 đồng (đây là khoản vay được chuyển từ phần góp vốn mua xe đầu kéo kinh doanh vận tải là 1.150.000.000 đồng); thời hạn thanh toán 22 tháng, kể từ ngày 01/8/2023 đến ngày 01/6/2025. Như vậy, theo giấy vay tiền này có căn cứ xác định ông H cho ông Q vay số tiền 1.150.000.000 đồng, thời hạn 22 tháng (ngày 01/6/2025) phải thanh toán cho ông H. Trước khi hợp đồng này hết hạn vào ngày 01/6/2025, nếu ông Q muốn tiếp tục vay thì phải báo trước trong thời gian 60 ngày và nhận được sự đồng ý bằng văn bản của ông H. Nhưng đến hạn ông Q không gửi thông báo tiếp tục vay nên ông H đã gửi thông báo yêu cầu ông Q trả nợ, nhưng ông Q không trả cho ông H là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông H khởi kiện yêu cầu ông Q phải thanh toán số tiền 1.150.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 01/8/2023 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền 72.500.000 đồng nguyên đơn cho rằng đây là khoản tiền ông Q đồng ý thanh toán cho ông H trước khi ký hợp đồng vay tiền ngày 01/8/2023 và quá trình

tố tụng ông Q đồng ý thanh toán số tiền này cho ông H là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn. Xét thấy, hợp đồng vay tiền ngày 01/8/2023 các bên thỏa thuận về lãi suất 1%/tháng, trên dư nợ (bao gồm cả gốc và lãi) theo công thức sau: Số tiền nợ = số tiền bên B nợ bên A tính đến kỳ thanh toán; tiền lãi tháng 1 = số tiền nợ * lãi suất cố định hàng tháng; tiền lãi các tháng tiếp theo = số tiền nợ còn lại * lãi suất vay. Trường hợp tiền lãi tháng trước chưa được thanh toán hết, phần tiền lãi chưa thanh toán được cộng gộp vào số tiền nợ còn lại của tháng tiếp theo. Nếu quá thời hạn vay mà ông Q không thanh toán số tiền gốc và lãi thì ông Q phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tương ứng với thời gian chậm trả, theo công thức tính nêu trên.

Bảng tính chi tiết tiền lãi như sau:

TT	Ngày	Nội dung	Tiền lãi hàng tháng	Đã thanh toán	Số tiền nợ còn lại
	01-08-23	Ông Hoàng vay			**1.150.000.000**
I	**Lãi trong hạn 01%/tháng tổng là: 274.864.699 đồng, gồm:**				
1	01-09-23	Lãi tháng 8/2023	11.500.000		1.161.500.000
2	01-10-23	Lãi tháng 9/2023	11.615.000		1.173.115.000
	05-09-23	*Ông Quân thanh toán*		*11.500.000*	1.161.615.000
3	01-11-23	Lãi tháng 10/2023	11.616.150		1.173.231.150
4	01-12-23	Lãi tháng 11/2023	11.732.312		1.184.963.462
	14-10-23	*Ông Quân thanh toán*		*11.500.000*	1.173.463.462
5	01-01-24	Lãi tháng 12/2023	11.734.635		1.185.198.096
6	01-02-24	Lãi tháng 01/2024	11.851.981		1.197.050.077
7	01-03-24	Lãi tháng 02/2024	11.970.501		1.209.020.578
	09-02-24	*Ông Quân thanh toán*		*11.000.000*	1.198.020.578
8	01-04-24	Lãi tháng 03/2024	11.980.206		1.210.000.784
9	01-05-24	Lãi tháng 04/2024	12.100.008		1.222.100.791
10	01-06-24	Lãi tháng 05/2024	12.221.008		1.234.321.799
11	01-07-24	Lãi tháng 06/2024	12.343.218		1.246.665.017
12	01-08-24	Lãi tháng 07/2024	12.466.650		1.259.131.668
13	01-09-24	Lãi tháng 07/2024	12.591.317		1.271.722.984
14	01-10-24	Lãi tháng 09/2024	12.717.230		1.284.440.214
15	01-11-24	Lãi tháng 10/2024	12.844.402		1.297.284.616
16	01-12-24	Lãi tháng 11/2024	12.972.846		1.310.257.462
17	01-01-25	Lãi tháng 12/2024	13.102.575		1.323.360.037
18	01-02-25	Lãi tháng 01/2025	13.233.600		1.336.593.637
19	01-03-25	Lãi tháng 02/2025	13.365.936		1.349.959.574
20	01-04-25	Lãi tháng 03/2025	13.499.596		1.363.459.169

21	01-05-25	Lãi tháng 04/2025	13.634.592		1.377.093.761
22	01-06-25	Lãi tháng 05/2025	13.770.938		1.390.864.699
	Lãi quá hạn 0,15%/tháng tổng là: 152.779.412 đồng, gồm:				
1	01-07-25	Lãi tháng 06/2025	20.862.970		1.411.727.669
2	01-08-25	Lãi tháng 07/2025	21.175.915		1.432.903.584
3	01-09-25	Lãi tháng 08/2025	21.493.554		1.454.397.138
4	01-10-25	Lãi tháng 09/2025	21.815.957		1.476.213.095
5	01-11-25	Lãi tháng 10/2025	22.143.196		1.498.356.292
6	01-12-25	Lãi tháng 11/2025	22.475.344		1.520.831.636
7	19-12-25	Lãi đến 19/12/2025	22.812.475		1.543.644.110
	CỘNG		**427.644.110**	**34.000.000**	**1.543.644.110**

Tại Điều 468 Bộ luật dân sự quy định về lãi suất như sau:

"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất…".

Tại Điều 466 Bộ luật dân sự quy định:

"…5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Đối chiếu quy định trên thì thỏa thuận yêu cầu tính lãi của các bên không vượt quá 20%/năm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, ông Q phải thanh toán tiền lãi cho ông H cụ thể:

Ông Q phải có trách nhiệm thanh toán cho ông H tiền lãi là 427.644.110 đồng trừ đi số tiền đã thanh toán 34.000.000 đồng, còn lại nợ lãi là 393.644.110 đồng.

[7] Đối với số tiền 72.500.000 đồng nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Từ những phân tích nêu trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về nợ gốc và tiền lãi. Buộc ông Q phải thanh toán cho ông H tổng số tiền 1.616.144.110 đồng (trong đó nợ gốc 1.222.500.000 đồng, nợ lãi 393.644.110 đồng).

[9] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2023, 2024, 2025);

- Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H về việc Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bị đơn ông Hoàng Văn Q.

2. Buộc ông Hoàng Văn Q phải thanh toán cho ông Lê Văn H số tiền 1.616.144.110 đồng (trong đó nợ gốc 1.222.500.000 đồng, nợ lãi 393.644.110 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Hoàng Văn Q phải chịu 60.484.323 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Lê Văn H số tiền 28.606.962 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0033740 ngày 03/11/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi thời hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Phạm Thị Bạch Tuyết